

Số: 17/BC-THCSTTCB

Cát Bà, ngày 25 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS thị trấn Cát Bà

1.2. Địa chỉ: Số 101-Thị trấn Cát Bà-Huyện Cát Hải-Hải phòng

- Gmail: thcsttcab@gmail.com; Số điện thoại: 02253.688.447;

- Website:

- Địa chỉ cổng thông tin điện tử: <https://thescatba.haiphong.edu.vn/>.

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Công lập

- Cơ quan quản lý: Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu cơ sở giáo dục

a) Sứ mạng: Tạo dựng môi trường học tập và rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn; giúp cho mỗi học sinh đều có điều kiện tốt để phát triển năng lực cá nhân, hoàn thiện bản thân.

b) Tầm nhìn

Phấn đấu trở thành một trong những đơn vị giáo dục có chất lượng tốt của huyện Cát Hải là nơi giáo viên và học sinh có môi trường làm việc và học tập tốt.

c) Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Huy động nguồn lực để xây dựng hoàn thiện các điều kiện cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ I, đáp ứng tốt yêu cầu chương trình GDPT 2018.

- Xây dựng nhà trường theo mô hình giáo dục hiện đại, phù hợp với điều kiện của địa phương và xu thế phát triển của đất nước.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Hoàn thành đề án: Xây dựng trường THCS trọng điểm của cả huyện giai đoạn 2018-2025.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển nhà trường.

- Trường THCS thị trấn Cát Bà được tách ra từ trường THPT Cát Bà ngày 25/8/2006 theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 25/8/2006 của UBND huyện Cát Hải. Trường có tổng diện tích 9000 m², có 01 dãy nhà 3 tầng với 18 phòng học, 2 dãy

phòng chức năng và khu hiệu bộ (với 2 phòng học và 2 phòng thực hành; 10 phòng làm việc) và 01 khu nhà đa năng (phòng luyện tập thể thao và 01 phòng học bộ môn). Trải qua 18 năm xây dựng và phát triển, trường THCS thị trấn Cát Bà đã vượt qua khó khăn, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc.. Được sự quan tâm của các cấp các ngành, phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương, cơ sở vật chất nhà trường ngày càng khang trang, đầy đủ, cảnh quan nhà trường ngày càng Xanh - Sạch - Đẹp; các em học sinh được học tập trong sự chăm lo của gia đình, nhà trường và xã hội, các thầy cô giáo không ngừng phấn đấu vươn lên, đưa chất lượng giáo dục ngày càng khởi sắc, ổn định và bền vững. Trường đã được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia năm học 2010-2011 theo Quyết định số 964/QĐ- UBND của UBND thành phố Hải Phòng ngày 09/5/2011 và đạt kiểm định CLGD năm học 2012-2013 theo Quyết định số 140/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng ngày 20/01/2012;

Hoạt động văn hóa văn nghệ, giáo dục thể chất luôn được nhà trường coi trọng. Nhiều năm liền trường có đội tuyển tham gia thi Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện đạt giải cao. Đặc biệt năm học 2023-2024 trường đã có HS đạt HCD cấp thành phố.

Với các thành tích đạt được, nhà trường được UBND thành phố tặng cờ thi đua dẫn đầu khối phổ thông và Chủ tịch UBND thành phố tặng bằng khen năm học 2018-2019; Năm học 2022-2023 được UBND thành phố tặng bằng khen; năm học 2023-2024 được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen.

Năm học 2024-2025 thầy và trò nhà trường đã và đang cố gắng tiếp tục phát huy những thành tích đạt được đồng thời tăng cường những giải pháp thiết thực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ tên: Nguyễn Thị Hương
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: Trường THCS thị trấn Cát Bà – Cát Hải - Hải Phòng
- SĐT: 0914318811
- Email: nguyenthihuongcb@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy

- Trường Trung học cơ sở thị trấn Cát Bà được thành lập theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 25/ 8/ 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải.
- Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng trường THCS thị trấn Cát Bà số 659/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải.
- Quyết định bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng trường THCS thị trấn Cát Bà số Số 3033 ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải.
- Quyết định công nhận hội đồng trường số 2613/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc Kiện toàn Hội đồng trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Cát Hải nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà: Nguyễn Thị Hương	Bí thư chi bộ- Hiệu trưởng - CTHĐT
2	Bà: Hoàng Thị Yên	Phó BT chi bộ - Phó HT-CTCĐ-PCTHĐT
3	Bà: Vũ Thị Phương Trâm	PHT - Thành viên
4	Bà: Đỗ Thị Anh	Tổ trưởng tổ KHTN –Thành viên
5	Bà: Nguyễn Thị H. Trang	Tổ trưởng tổ KHXXH – Thành viên
6	Bà: Bùi Thị Thu Hoài	Tổ trưởng tổ Văn phòng – Thành viên
7	Bà: Lê Thị Ngọc Bích	Bí thư đoàn thanh niên – Thành viên
8	Ông: Vũ Hồng Hiệp	Giáo viên TPTĐ – Thành viên
9	Ông: Hoàng Xuân Thủy	Phó Chủ tịch UBND thị trấn – Thành viên
10	Ông: Nguyễn Văn Khái	Trưởng ban đại diện CMHS trường – TV
11	Em: Bùi Ngọc Ngân Khánh	Học sinh lớp 8A1- Thành viên

- Bộ máy quản lý của trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hương	Bí thư chi bộ- Hiệu trưởng
2	Bà: Hoàng Thị Yên	Phó bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng-CTCĐ
3	Bà: Vũ Thị Phương Trâm	Chi ủy viên - Phó hiệu trưởng
4	Bà: Đỗ Thị Anh	Chi Ủy viên, tổ trưởng tổ KHTN
5	Bà: Lê Thị Thuận	Chi ủy viên
6	Bà: Nguyễn Thị H. Trang	Tổ trưởng tổ KHXXH
7	Bà: Bùi Thị Thu Hoài	Tổ trưởng tổ Văn phòng
8	Bà: Lê Thị Thanh Mai	Tổ phó tổ Văn phòng
9	Bà Bùi Thị Thanh Thảo	Tổ phó tổ KHTN
10	Bà Dương Thị Hiền	Tổ phó tổ KHXXH
11	Ông: Vũ Hồng Hiệp	GV TPTĐ
12	Bà: Lê Thị Ngọc Bích	Giáo viên – Bí thư đoàn thanh niên
13	Bà: Đào Thị Thu Hằng	Tổ trưởng tổ chủ nhiệm
14	Ông: Nguyễn Văn Khái	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh

- Hiệu Trưởng: Nguyễn Thị Hương, SĐT- 0914318811,

Email: nguyenthihuongcb@gmail.com

- Phó Hiệu trưởng: Hoàng Thị Yên, SĐT - 0977862838,

Email: hoangyencb1979@gmail.com

- Phó Hiệu trưởng: Vũ Thị Phương Trâm, SĐT - 0984964415

Email: titmitcb@gmail.com

8. Các văn bản khác:

- Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 -2025.
- Quy chế dân chủ ở cơ sở trường THCS thị trấn Cát Bà từ năm học 2024-2025.
- Nghị quyết Hội đồng trường năm học 2024-2025.
- Quy định lề lối làm việc của trường THCS thị trấn Cát Bà năm học 2024-2025.
- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**1 Cán bộ quản lý**

- Tổng số: 03 đồng chí; Nữ: 03.
- Trình độ chuyên môn: Đại học: 03
- Đảng viên: 03; Trình độ LLCT: Trung cấp: 03.

100% hoàn thành bồi dưỡng theo quy định.

2. Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Đảng viên	Số giáo viên					
		T.số	Nữ		Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
							Th.s	ĐH	CD	TC
1	Toán	07	07	06	06	0	0	05	01	0
2	Văn	08	08	06	08	0	01	07	0	0
3	Anh	04	04	04	04	0	0	01	03	0
4	KHTN	07	07	07	07	0	0	07		0
5	Công nghệ	02	02	02	02	0	0	02		0
6	Tin	01	01	01	01	0	0	0	01	0
7	GDTC	02	01	02	02	0	0	02		0
8	LS&ĐL	04	03	04	04	0	0	04		0
9	GDCD	02	02	02	02	0	0	02		0
10	Âm nhạc	01	01	01	01	0	0	01		0
11	Mĩ Thuật	02	02	01	01	0	0	01	01	0
12	GV-TPT	01	0	01	01	0	0	01		0
Tổng số		41	36	37	39	0	01	34	06	0

- 85,4% giáo viên hoàn thành bồi dưỡng theo quy định.

3. Nhân viên

TT	Số lượng	Nữ	Đảng viên	Số nhân viên					
				Biên chế	Hợp đồng	Trình độ			
						Th.s	ĐH	CĐ	TC
1	07	05	02	04	03	0	2	1	1

- Nhân viên: 75% nhân viên biên chế hoàn thành bồi dưỡng theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM

1. Thông tin về cơ sở vật chất

- Diện tích đất: 9000 m², bình quân 10,3 m²/học sinh, so với yêu cầu tối thiểu toàn trường đủ m². Có 1 điểm trường.

- Khối hành chính quản trị có 7 phòng (06 phòng làm việc và 01 Hội trường), đảm bảo theo quy định.

- Khối phòng học tập có 24 phòng. Còn thiếu 05 phòng (01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng KHTN, 01 phòng bộ môn KHXH, 01 phòng đa chức năng).

- Khối phòng hỗ trợ học tập 05 phòng (Thư viện, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống, phòng Đoàn - Đội). Đảm bảo theo quy định.

- Khối phòng phụ trợ: Gồm có: 01 phòng họp, 01 phòng các tổ chuyên môn, 01 phòng y tế trường học, 03 nhà kho, khu để xe học sinh, khu vệ sinh học sinh, cổng, hàng rào (đảm bảo)

- Khu sân chơi thể dục, thể thao của HS: 02.

- Số thiết bị dạy học hiện có 0,5bộ/ khối, còn thiếu 04 bộ/ 4 khối.

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	20	
2	Phòng Tin học	1	
3	Phòng âm nhạc	1	
4	Phòng Thực hành CN - Lý	1	
5	Phòng Thực hành Hóa - Sinh	1	
6	Phòng Thiết bị	2	
7	Phòng thư viện	1	
8	Phòng Ban giám hiệu	3	01 phòng kiêm phòng Công đoàn
9	Phòng Tài vụ	1	
10	Phòng Văn thư	1	

11	Phòng Hội đồng	1	
12	Phòng Y tế	1	
20	Phòng Đoàn đội	1	Kiểm phòng TVTL
22	Phòng Bảo vệ	1	
23	Nhà đa năng	1	
24	Sân thể thao	1	
25	Tổng diện tích đất	9000m ²	
26	Nhà xe giáo viên và học sinh	2	
27	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	10	
28	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	28	
28	Camera	20 mắt	
29	Thiết bị dạy và học cho K6,7,8,9/ khối	01 bộ/1 khối	
30	Sách giáo khoa 6,7,8,9/khối	5 bộ/01 khối	
31	Sách tham khảo	Đủ dùng	
32	Internet	Đảm bảo cho các HDGD nhà trường	

2. Tài liệu học tập sử dụng chung: Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được phê duyệt:

*** Danh mục SGK lớp 9, năm học 2024-2025:**

STT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả
1	Ngữ Văn 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên).
2	Lịch sử và Địa lí 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng chủ biên phần lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên kiêm chủ biên phần Địa lí).
3	Mĩ thuật 9	Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên),

4	Tiếng Anh 9	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Lương Quỳnh Trang (chủ biên)
5	Hoạt động trải nghiệm 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên)
6	Giáo dục công dân 9	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên)
7	Âm nhạc 9	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm chủ biên)
8	Toán 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên)
9	KHTN 9	Cánh diều	Đình Quang Báo (Tổng chủ biên kiêm chủ biên); Dương Xuân Quý, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên)
10	Công nghệ 9 (Định hướng nghề nghiệp)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Phạm Mạnh Hà (chủ biên)
	Công nghệ 9 (Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa
11	Giáo dục thể chất 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Hồ Đắc Sơn (chủ biên)
12	Tin 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên); Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên)

*** Danh mục SGK lớp 6, năm học 2024-2025:**

STT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả
1	Ngữ Văn 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên)
2	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí)
3	Mĩ thuật 6	Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên),
4	Tiếng Anh 6	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (chủ biên)
5	Hoạt động trải nghiệm 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên)

6	Giáo dục công dân 6	Cánh diều	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang
7	Âm Nhạc 6	Cánh diều	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên)
8	Toán 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên)
9	KHTN 6	Cánh diều	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên); Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên)
10	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)
11	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Lưu Trí Dũng (chủ biên)
12	Tin 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Trí Công (Tổng chủ biên); Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên)

*** Danh mục SGK lớp 7, năm học 2024-2025:**

STT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả
1	Ngữ Văn 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên)
2	Lịch sử và Địa lí 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí)
3	Mĩ thuật 7	Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên),
4	Tiếng Anh 7	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (chủ biên)
5	Hoạt động trải nghiệm 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên)
6	Giáo dục công dân 7	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên)
7	Âm Nhạc 7	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm chủ biên)
8	Toán 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên)

9	KHTN 7	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên); Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên)
10	Công nghệ 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (chủ biên)
11	Giáo dục thể chất 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Hồ Đắc Sơn (chủ biên)
12	Tin 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Trí Công (Tổng chủ biên); Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên)

*** Danh mục SGK lớp 8, năm học 2024-2025:**

STT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả
1	Ngữ Văn 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên).
2	Lịch sử và Địa lí 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí).
3	Mĩ thuật 8	Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên),
4	Tiếng Anh 8	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Lương Quỳnh Trang (chủ biên)
5	Hoạt động trải nghiệm 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên)
6	Giáo dục công dân 8	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên)
7	Âm Nhạc 8	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm chủ biên)
8	Toán 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên)
9	KHTN 8	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên); Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên)
10	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (chủ biên)

11	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Hồ Đắc Sơn (chủ biên)
12	Tin 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên); Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá năm học 2023-2024:

Trường THCS thị trấn Cát Bà tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (Kế hoạch tăng cường CSVC duy trì chất lượng trường chuẩn).

4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (Quyết định số 140/QĐ-UBND của UBND của UBND ngày 20/01/2012).

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 964/QĐ- UBND của UBND ngày 09/5/2011).

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tăng cường CSVC, duy trì chất lượng trường chuẩn đầu các năm học, tiếp tục hoàn thiện bổ sung CSVC để đề nghị đánh giá công nhận lại năm 2025.

* **Kết quả đánh giá:** Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	-
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1 Kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025

* Hình thức, chỉ tiêu tuyển sinh

- Việc tuyển sinh học sinh lớp 6 được thực hiện bằng hình thức xét tuyển; thi chọn lớp 6 chất lượng cao. Phụ huynh đăng kí tuyển sinh trực tuyến, trực tiếp và nộp hồ sơ trực tiếp.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 246 học sinh

***Thời gian tuyển sinh: Đăng ký trực tuyến**

- Phụ huynh đăng ký trực tuyến tại Hệ thống tuyển sinh đầu cấp tại <https://tuyensinhdaucap.haiphong.edu.vn> (đăng ký thử nghiệm từ 10/6-24/6/2024; đăng ký chính thức từ ngày 08/7/2024- 20/7/2024).

- Tuyển sinh trực tiếp: từ 22/7 đến 27/7/2024

*** Nhận hồ sơ trực tiếp**

- Từ ngày 16/7/2024 đến hết ngày 17/07/2024 thu nhận hồ sơ trực tiếp và hỗ trợ CMHS đăng ký trực tuyến.

*** Đối tượng và điều kiện xét tuyển**

+ Đối tượng

- Học sinh 11 tuổi (sinh từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2012), các trường hợp khác áp dụng theo Điều 33-Thông tư số 32/2010/TT- BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học năm 2024.

+ Điều kiện

*** Hồ sơ dự tuyển**

- Đơn xin nhập học vào lớp 6 (theo mẫu).

- Bản chính học bạ Tiểu học.

- 02 ảnh 3x4.

- 01 Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (bản chính photo công chứng).

*** Về địa bàn tuyển sinh**

- Học sinh đang cư trú và có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Cát Bà và xã Việt Hải.

1.2 Kế hoạch giáo dục: Kế hoạch giáo dục nhà trường số 68/KH-THCSTTCB ngày 15/10/2024 của trường THCS thị trấn Cát Bà.

1.3 Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục đối với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh năm học 2024-2025: Phối hợp với các tổ chức của địa phương: Công an thị trấn, Đoàn thanh niên, y tế.

1.4 Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục.

- Tổ chức các hoạt động tập thể vào các dịp: khai giảng, tổng kết năm học; kỷ niệm ngày lễ lớn 20/11, 22/12, 8/3, 26/3, 19/5...;

- Tổ chức 1-2 hoạt động trải nghiệm lớn trong năm học;

- Hỗ trợ các hội thi, cuộc thi của học sinh;

- Tặng quà cho HS có HCKK...

2. Kết quả giáo dục năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	152				152
1	Tốt	130				130
	(tỷ lệ so với tổng số)	85.53				
2	Khá	20				20
	(tỷ lệ so với tổng số)	13.16				
3	Trung bình	2				2
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.32				
4	Yếu	0				0
	(tỷ lệ so với tổng số)					
	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	618	246	198	174	
1	Tốt	502	198	160	144	
	(tỷ lệ so với tổng số)	81.23				
2	Khá	94	39	29	26	
	(tỷ lệ so với tổng số)	15.21				
3	Đạt	20	7	9	4	
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.24				
4	Chưa đạt	2	2	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)					
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	152				152
1	Giỏi	38				38
	(tỷ lệ so với tổng số)	25.00				
2	Khá	52				52
	(tỷ lệ so với tổng số)	34.21				
3	Trung bình	60				60
	(tỷ lệ so với tổng số)	39.47				
4	Yếu	2				2
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.32				

5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	444	246	198	174	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	107 24.10	59	48	36	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	190 42.79	110	80	77	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	119 26.80	62	57	59	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	28 6.31	15	13	2	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	770	246	198	174	152
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	740	231	185	172	152
	áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo					
1.1	Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	37 24.34				37
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	53 34.87				53 34.87
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)					
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	5 (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00	5 2.53	2 1.14943	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	102 (tỷ lệ so với tổng số)	59 23.98	43 21.72	33 18.9655	
	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn	27	13	13	1	
2	trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	3.88	5.2846	6.56566	0.5747	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.43	2 0.8130 1	0	1 0.5747	
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	24	2	2	1	19
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	3	1	1	0	1

6	Bị đuổi học	0				
	(tỷ lệ so với tổng số)	0				
	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm	0				
7	học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	43	0	0	10	33
2	Cấp thành phố	6	0	0	0	6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0		0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	152				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	150				
1	Giỏi	37				
	(tỷ lệ so với tổng số)	24.67				
2	Khá	53				
	(tỷ lệ so với tổng số)	35.33				
3	Trung bình	60				
	(Tỷ lệ so với tổng số)	40.00				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					
	(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	362/356	137/11	102/97	89/85	77/72
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	13	5	3	5	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
1	Tình hình tài chính (các khoản chi phân theo):		
	- Chi tiền lương và thu nhập	7.739.648.019	8.365.000.000
	- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.342.752.110	1.450.000.000
	- Chi hỗ trợ người học	576.979.474	650.000.000
	- Chi khác	190.509.600	220.000.000
2	Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học	1.318.555.000	1.560.000.000

3	Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng	2.252.000	2.252.000
4	Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)	0	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên THCS

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

Năm học 2023 - 2024 nhà trường có 04 giáo viên đang học nâng chuẩn đại học.

7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học huyện, thị trấn và phụ huynh học sinh hỗ trợ như: ghế nhựa ngồi hoạt động tập trung và cải tạo vườn trường.

7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 - 2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như MISA, IMAS, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm qlcm, trang web... Sử dụng phần mềm trong xây dựng kế hoạch soạn giảng được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của HS; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động dạy học.

7.5. Công tác truyền thông

Nhà trường phân công người phụ trách công tác truyền thông. Cập nhật và đưa tin kịp thời; đẩy mạnh công tác truyền thông về chất lượng giáo dục, các hoạt động GDNGLL.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật trên các kênh thông tin: Hộp HĐSP, Zalo trường, lớp... thông qua website trường: <https://thcscatba.haiphong.edu.vn>

7.6. Kết quả thi đua toàn trường năm học 2023-2024

- Trường: xếp thứ 1/10 trường khối THCS, đạt tập thể lao động Xuất sắc.
- 01 đồng chí được đề nghị Sở GD tặng giấy khen
- 02 đ/c được UBND huyện Cát Hải tặng giấy khen.
- 07 đ/c đạt CSTĐ cấp cơ sở, 45 đ/c đạt lao động Tiên Tiến.
- Các tổ chức: Liên Đội được Trung ương đoàn tặng BK; Công Đoàn được LĐLĐ thành phố tặng bằng khen.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

K. TP. HẢI Đ

